



**Cuốn Chìm-Nổi-Giạt-Trôi
Trên Dòng Sông Lịch Sử Quê Hương
được viết để Tưởng Niệm và Tưởng Nhớ tất cả
NGƯỜI VIỆT NAM BÊN CHIẾN BẠI & BÊN CHIẾN THẮNG
Đã Tử Vong Trong Cuộc Nội Chiến Ý THỨC HỆ
Trước Và Sau Tháng Tư 1975**

Vũ Huy Thám

Lời Nói Đầu

Vào trưa ngày 30-04-1975 Tổng Thống VNCH Dương Văn Minh tuyên bố:

“Tôi, đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam”

Vì là một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nên sau ngày 30-04-1975, tôi bị đầy đọa trong các trại tù cải tạo từ miền Nam tới miền Trung bởi Quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam về mặt biểu kiến, song trong thực tế bởi Quân Đội Cộng Sản Miền Bắc. Nói khác đi, tôi là một sĩ quan quân đội bên Chiến Bại “được” quân đội bên Chiến Thắng “mời” vào học tập trong các trại cải tạo nằm rải rác từ miền Nam tới miền Trung. Trong thời gian 5 năm học tập trong các trại cải tạo, tôi “được” Đảng và nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) đối xử như người nô lệ dưới thời trung cổ.

Sau 5 năm được nhồi sọ những giáo điều của chủ nghĩa cộng sản và lao động khổ sai, tôi “được” Đảng và Chính Phủ CHXHCNVN cho về đoàn tụ với gia đình vào đầu năm 1980. Sau khi ra khỏi cá trại tù cải tạo nhỏ hẹp, tôi lại phải sống lang thang, trong cái một cái nhà tù rộng lớn 331.212 km2 có tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Vào năm 1986, tôi vượt biên đến được trại tỵ nạn ở Indonesia; rồi vào năm 1987 tôi đến được Hoa Kỳ và sống lưu vong tại đây. Công việc đầu tiên của tôi ở Hoa Kỳ là rửa chén (dishwasher) cho một nhà hàng ở thành phố East Lansing, bang Michigan. Khoảng nửa năm sau đó, tôi được tuyển dụng làm nhân viên tiếp tân (receptionist) rồi cán sự xã hội (assistant caseworker) cho một cơ quan thiện nguyện có tên là Lutheran Social Services of Lansing, thuộc tiểu bang Michigan. Khoảng 10 năm sau tôi bị Lutheran Social Services cho nghỉ việc vì ngân sách bị cắt, tôi làm cho hãng bán vật liệu xây cất The Home Depot như một nhân viên bán hàng cho tới lúc tôi nghỉ hưu vào năm 2001. Tính đến nay, 2026, tôi đã sống tại Hoa Kỳ gần 40 năm. Trong thời gian nghỉ hưu tôi đã viết và xuất bản được năm ba cuốn sách tiếng Việt lẫn tiếng Anh. Cuốn mới nhất có tựa đề là: CHÌM - NỔI – GIẠT – TRÔI TRÊN DÒNG SÔNG LỊCH SỬ QUÊ HƯƠNG

Trước khi đưa cuốn sách này đến với độc giả, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với tất cả bạn bè còn sống hay đã khuất đã khích lệ và giúp đỡ tôi trong quá trình viết cuốn sách này. Tôi cũng chân thành biết ơn các người bạn và các con hiếu thảo của tôi, những người đã giúp tôi đọc lại bản thảo, sửa lỗi chính tả và bổ sung những thiếu sót của những bài viết trong cuốn sách này trước khi được gửi đi in ấn.

Sau cùng, tôi xin thừa nhận rằng mục đích chính thúc tôi viết cuốn sách này là để lưu lại cho con cháu của các cựu Quân – Cán – Chính của Việt Nam Cộng Hòa hiểu được rằng: Cha ông họ đã phải chiến đấu

gian khổ trong sự nghiệp chống lại chủ nghĩa cộng sản như thế nào? Cha ông họ đã chịu đựng nỗi cay đắng của sự thất bại ra sao khi bị đồng minh bỏ rơi? Cha ông họ đã phải trải qua cảnh tù đầy và lao động cưỡng bức trong các trại cải tạo như thế nào? Cha ông họ tại sao đã phải rời bỏ quê hương thân yêu trốn chạy sang các quốc gia trong Thế giới Tự do với hai bàn tay trắng tuy gian khổ, nhưng vẫn mang trong lòng ý chí quang phục lại quê hương.

VŨ HUY THÁM

Michigan

Mùa Thu 2026

Chương 1: Nhớ Về Làng Xưa

Tôi sinh ra và lớn lên trong một ngôi làng nằm bên tả ngạn sông Hồng. Vào thập niên 1940, làng tôi thuộc huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, miền Bắc Việt Nam. Từ thuở xa xưa, làng tôi có tên là làng Á. Dưới triều Nguyễn (1802–1945), tên Á được đổi thành Á Nguyên. Đến thời Pháp thuộc (1884–1945), Á Nguyên lại được đổi thành Bản Nguyên.

Sau cái gọi là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Minh Cộng Sản nổi dậy giành chính quyền từ tay người Nhật, với khí thế Cách Mạng Tháng Tám, làng Bản Nguyên của tôi, được đổi tên là làng Quyết Thắng. Đồng thời, làng Quyết Thắng hội nhập với làng Thanh Chu và làng Quỳnh Lâm để thành một xã mới mang tên Hùng Tiến.

Đến năm 1964, chính quyền địa phương quyết định khôi phục lại tên cũ của các làng xã; vì vậy Quyết Thắng lấy lại tên Bản Nguyên. Sau năm 1975, chính quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, yêu cầu các làng nên lấy lại tên làng xã có từ ngày xa xưa. Vào dịp này xã Hùng Tiến được đổi thành xã Bản Nguyên. Nói cách khác, ngày nay Bản Nguyên không chỉ là tên riêng của ngôi làng cũ của tôi, mà còn là tên chung của một xã gồm ba làng: Bản Nguyên, Thành Chu và Quỳnh Lâm. Vào năm 2025, Chính phủ CHXHCN/VN sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, đồng thời bãi bỏ cấp huyện, nên một xã mới được thành lập có tên là Bản Nguyên. Xã mới này gồm 3 xã cũ là Cao Xá, Vĩnh Lại, Bản Nguyên.

Không rõ làng Bản Nguyên ngày xưa ngày xưa của tôi được hình thành từ khi nào. Có nhiều người cho rằng nó có thể hình thành từ thời các Vua Hùng dựng nước. Lý do là từ làng Bản Nguyên đến làng Cổ Tích thuộc xã Phong Châu, phủ Lâm Thao ngày xưa ngày xưa chỉ cách khoảng 10 cây số theo đường chim bay. Theo truyền thuyết, Phong Châu từng là kinh đô của các Vua Hùng. Nếu giả thuyết này đúng, thì làng tôi có thể có lịch sử hơn bốn nghìn năm.

Phong cảnh quanh làng Bản Nguyên cũ của tôi thật hùng vĩ. Phía Nam là sông Hồng. Đối diện với làng tôi bên kia sông là thị trấn Hưng Hóa. Phía Bắc là núi Nghĩa Lĩnh. Phía Đông Bắc là dãy núi Tam Đảo. Phía Đông Nam là núi Ba Vì hay Tản Viên. Một trong 3 đỉnh cao của núi Ba Vì có hình dạng cổ bồng hình nấm. Người dân sống dưới chân núi cho biết trên đỉnh thất cổ bồng chỉ mọc một loại cây duy nhất là cây mít.

Ở vùng quê tôi có một truyền thuyết huyền thoại gắn với ngọn núi hình nấm này. Truyền thuyết này có thể tóm lược như sau: Vào mùa mưa, hầu như toàn bộ quạ đen trong vùng quê biến mất. Vài tháng sau chúng trở lại, nhưng hầu hết lông trên đầu chúng không còn nữa. Người dân trong vùng quê tôi giải thích hiện tượng này rằng, chúng được triệu tập đến một nơi bên dòng sông Ngân Hà. Tại đây, chúng đan kết lại với nhau thành một cây cầu không gian bắc qua sông Ngân để Ngưu Lang (chàng chăn trâu bên này sông) và Chức Nữ (nàng dệt vải bên kia sông) qua lại thăm nhau vào tháng 7 Âm Lịch. Vì lẽ đó cây cầu không gian này mang tên là Ô-Kiều và để tranh thủ được gặp nhau nhiều lần và không sao lãng bổn phận dệt vải và chăn trâu do Nhà Trời đã giao phó, nên Ngưu Lang và Chức Nữ qua lại Ô Kiếu rất nhiều lần nên chân của họ đã dẫm lên đầu chúng quá nhiều lần nên đám lông trên đầu chúng bị rụng hết.

Trong khi đó, người dân dưới chân núi Tản Viên lại giải thích khác. Quạ biến mất vào tháng 7 Âm Lịch là vì chúng tụ tập trên đỉnh núi hình nấm của núi Tản Viên để ăn mít chín. Trên đỉnh ngọn núi này chỉ có một loại cây duy nhất là cây mít. Khi ăn, chúng khoét vỏ mít rồi chui đầu vào để moi múi ra ăn, nên nhựa mít làm rụng dần lông trên đầu chúng.



Không ảnh minh họa xã Bản Nguyên sau năm 1975

Dòng sông chảy qua làng tôi là sông Hồng. Sông này bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc), vào Việt Nam tại thị trấn Cốc Lếu thuộc tỉnh Lào Cai, chảy qua Yên Bái, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Nội, rồi đổ ra biển Đông qua các cửa sông ở Thái Bình, Kiến An và Hải Phòng. Vào mùa mưa, sông Hồng chảy dữ dội như thác, thường gây lũ lụt trong vùng. Bề rộng

của sông giữa làng tôi và thị trấn Hưng Hóa thay đổi theo mùa. Vào mùa khô, dòng sông thu hẹp lại bởi các bãi cát giữa lòng sông. Vào mùa mưa, nước dâng cao và lan rộng, khiến sông trông như biển cả. Dọc theo bờ sông là một con đê lớn, ngăn cách làng tôi với sông Hồng. Mùa mưa, mực nước sông ngoài con đê thường dâng cao hơn những mái nhà bên trong con đê. Nếu chẳng may đê vỡ, không chỉ làng tôi mà cả vùng sẽ bị ngập lụt.

Làng tôi có một cây cổ thụ cao ngất trời xanh, song nó không phải cây đa như nhiều làng khác mà là cây Bồ Đề. Có thể cây bồ đề làng tôi có liên hệ dây mơ rễ má với cây bồ đề ở Ấn Độ nơi Đức Phật giác ngộ. Nghe nói Phật Tử các nước Á Châu thường lấy hạt giống hoặc triết cành hay rễ của cây này, rồi mang về trồng ở chùa trong các nước này. Rất có thể cây bồ đề làng tôi đã được trồng vào dịp này. Một đặc điểm của cây bồ đề rất ít người biết là, khi ngồi dưới gốc cây bồ đề, dù không có gió, song vẫn nghe tiếng lá xào xạc. Vì lẽ đó, người ta còn gọi cây bồ đề là cây “ngâm phong diệp”. Hầu như trong làng tôi không một ai biết rõ cây bồ đề này được trồng từ bao giờ, chỉ biết nó đã hiện diện và tồn tại nơi bìa làng từ thời gian rất xa xưa. Vào một buổi trưa mùa hè vào năm 1945, khi còn là một đứa trẻ chăn trâu mười tuổi, tôi đã được một cụ già trong làng khoảng 60 tuổi kể rằng, khi còn rất trẻ, ông nội của cụ cho biết là đã thấy có cây bồ đề này rồi.

Tôi rời làng vào năm 1955. Tính đến nay đã 70 năm nước chảy qua cầu. Trong thời gian sống trong làng, gia đình tôi cũng như dân làng tôi cùng người dân vùng quê tôi đã phải gánh chịu nhiều gian khổ tàn khốc trong cuộc chiến chống Pháp. Sau khi Hiệp Định Geneve kết thúc cuộc chiến tranh này vào năm 1954, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam đã nhập cảng cuộc Cải Tổ hay Cải Cách Ruộng Đất của Chủ tịch Mao Trạch Đông và đảng Cộng Sản Trung Hoa vào miền Bắc Việt Nam. Trong thời gian thực thi cuộc Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ) ở làng tôi, gia đình tôi được cụ Hồ “tán phong” là thành phần địa chủ và là đối tượng chính phải đào tận gốc và tróc tận rễ bởi thành phần bản cổ nông.

Khi giai đoạn I của cuộc CCRĐ tại làng tôi kết thúc và chuẩn bước vào giai đoạn II, thì tai tôi đã nghe và mắt tôi đã thấy những gì đã xảy ra trong giai đoạn II của cuộc CCRĐ ở làng Sơn Lũng nơi tôi theo học trường Trung Học Xuân Huy. Tại nơi đây học sinh chúng tôi bắt buộc phải tham dự hầu hết những buổi hội họp đấu tố địa chủ và đặc biệt là một phiên xử công khai của Tòa Án Nhân Dân Đặc Biệt (TANDĐB). Trong phiên xử này một ông địa chủ có tên là Nguyễn Viết Đạo bị bắn ngay sau khi TANDĐB tuyên án tử hình. Hình ảnh ông NVĐ giãy chết trên đám cỏ khô ngày hôm ấy tuy đã hơn 70 năm trôi qua song dường như vẫn còn đậm nét trong tôi. Tôi đã mô tả lại những gì mắt tôi đã thấy và những gì tai tôi đã nghe trong phiên xử này, đã khiến gia đình tôi đi đến quyết định phải bỏ làng ra đi với hai bàn tay trắng để được sống còn, thể thôi. Kể từ ngày tôi phải bỏ làng ra đi đã 70 năm nước sông Hồng vẫn chảy qua làng tôi, song tôi vẫn không thể quên ngôi làng cũ, nơi mình sinh ra và lớn lên, với tất cả ký ức yêu thương và đau khổ của tuổi thơ.

Giờ đây làng xưa ra sao? Dòng sông Hồng còn lưu dấu bóng hình một cậu bé bơi lội trong những ngày hè không? Bạn học và bạn chăn trâu của tôi thuở xưa ai còn ai mất? Hai ngôi nhà ngói liền nhau của gia đình tôi còn đứng trơ gan cùng tuế nguyệt hay đã bị dỡ xuống từng cây kèo, từng cây cột để chia chác cho nông dân? Mồ mả ông bà nội ngoại của tôi còn yên nghỉ trên những gò đất hay trên những thửa ruộng của gia đình tôi hay đã bị phá hủy để lấy đất canh tác? Dù 70 năm đã thấm thoát trôi qua, song hình ảnh ngôi làng cũ vẫn đậm nét trong tôi. Khi gõ phím máy vi tính để ghi lại những gì mà ngôi làng cũ vẫn còn đọng lại trong ký ức của tôi, tôi bỗng nhớ đến hai câu thơ của thi sĩ Chế Lan Viên trong bài Tiếng Hát Con Tàu:

Khi ta ở (đất) chỉ là đất ở

Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn

Tôi rất tâm đắc với câu thơ này, Ngôi làng cũ nơi tôi sinh ra và lớn lên chỉ là mảnh đất tôi đã cư ngụ gần 20 năm. Vì cuộc Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ) 1954, gia đình tôi đã phải bỏ làng ra đi. Tính tới nay đã hơn 70 năm trôi qua, ngôi làng ấy tuy không còn là mảnh đất ngày xưa tôi cư ngụ nữa mà nó đã trở thành một phần tâm hồn không thể thiếu vắng trong tôi.

Tôi tin rằng một ngày không xa, khi không còn cảnh: “*bước đi không thấy phố thấy phường chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ*” là tôi sẽ về, dù về chỉ để gửi nắm xương tàn trong lòng đất mẹ.

Chương 2: Quê Tôi Tám Năm Chìm Trong Khói Lửa

*“Tôi đứng bên này sông
Bên kia vùng lửa khói
Làng tôi đây bao năm dài chinh chiến
Từng lũy tre muện phiền”*

Âm thanh bản nhạc **“Dàn Hoa Thiên Lý”** do ca sĩ Mạnh Đình trình bày, phát ra từ chiếc iPad, đã đưa tôi, một ông già khú đế, từ bắc Mỹ trở về ngôi làng cũ của tôi ở miền Bắc Việt Nam, trong tám năm kháng chiến chống Pháp (1946-1954). Vào thời gian đó, dù làng tôi không bị quân Pháp chiếm đóng thường trực, nhưng vẫn là một vùng đất mà quân Pháp có thể bắn phá hay xâm nhập bất cứ lúc nào. Vì vậy, dân làng tôi và người dân trong vùng đã phải chịu đựng vô vàn gian khổ và tàn khốc của chiến tranh.

Sau lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 1946, với những lời lẽ hùng hồn: *“Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...”* ông Hồ cùng chính phủ của ông rời Hà Nội để trở về chiến khu trước tháng 8/1945 trong rừng núi thuộc tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang.

Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, cán cân quân sự nghiêng về phía quân Pháp. Vì vậy, ông Hồ Chí Minh và lực lượng của ông phải thực hiện chính sách “tiêu thổ kháng chiến”. Hậu quả là người dân ở các thị xã, thành phố do Việt Minh kiểm soát phải di tản về vùng nông thôn. Hầu hết các công trình công cộng và nhà cửa tư nhân đều bị phá hủy, ngoại trừ nhà của người nước ngoài hoặc cơ sở tôn giáo. Cây cối dọc các con đường cái quan đều được đồn ngã, nằm dọc ngang trên mặt đường để cản trở sự di động xe cơ giới của quân Pháp. Người dân nông thôn phải bám vào ruộng đồng để sản xuất và đóng góp lương thực cho kháng chiến. Đồng thời, mỗi khi có tin quân Pháp tiến đến, họ lại phải di tản, thực hiện chiến lược **“vườn không nhà trống”**. Một số làng có vị trí thuận lợi và lũy tre bao quanh được biến thành làng chiến đấu. Thanh niên trong làng được tổ chức thành các đội du kích, trang bị gậy gộc, giáo mác, cung tên... sẵn sàng chiến đấu. Làng tôi nằm bên tả ngạn sông Hồng, cách Hà Nội khoảng 50 km theo đường chim bay. Con sông Hồng ngăn cách làng tôi với thị trấn Hưng Hóa là một tuyến đường thủy quan trọng. Người ta tin rằng sớm muộn gì quân Pháp cũng sẽ tiến chiếm thị trấn này. Điều tiên liệu này khiến cho bầu không khí chiến tranh ở vùng quê tôi càng thêm căng thẳng.

Do làng tôi là một làng cổ, đã có sẵn lũy tre bao bọc, nên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Lâm Thao ra lệnh củng cố làng tôi thành một làng chiến đấu chống Pháp. Dân làng phải gia cố lại hàng rào tre, xây dựng cổng kiên cố ở các ngõ xóm, đào hào giao thông và thiết lập các vị trí phòng thủ. Những người đàn ông khỏe mạnh được tổ chức thành lực lượng du kích, trang bị dao, rựa, rìu, gậy gộc, cung tên... Trong thời gian này, có một trung đội bộ đội chủ lực thuộc Sư Đoàn Thủ Đô, sau khi rút khỏi Hà Nội đã tạm đóng quân tại làng tôi. Hàng ngày, họ huấn luyện du kích làng các kỹ năng chiến đấu như bắn súng, bò, cận chiến, ném lựu đạn, gài mìn, tháo mìn... Các trục đường giao thông trong vùng đều bị đào hào ngang dọc hoặc đắp ụ đất để cản bước tiến của bằng xe cơ giới của quân đội Pháp. Riêng con đê chạy dọc sông Hồng, vừa là tuyến phòng chống lũ, vừa là đường giao thông quan trọng nên không thể đào hào vì sẽ làm vỡ đê vào mùa nước nổi. Thay vào đó,

người dân phải đắp những ụ đất cao khoảng nửa mét, dài hai mét, cách nhau vài mét, trông giống như những ngôi mộ ngổn ngang trong một nghĩa trang. Người đi trên đê không còn đi thẳng mà phải đi theo hình chữ Z. Cứ vài cây số lại có một ụ đất lớn như căn nhà, có cốt bằng thân cây hoặc thanh sắt tháo gỡ từ đường xe lửa, nhằm chặn xe tăng của quân Pháp. Tuy chưa thấy xe cơ giới và xe tăng của quân Pháp, nhưng chính người dân lại chịu nhiều khó khăn khi đi lại trên con đê. Quảng đường trước kia đi một giờ, nay phải mất hai, ba giờ. Những cây cầu bằng gỗ hay gạch đá bắc qua kinh rạch nối từ làng này tới làng kia trong vùng quê tôi đều bị phá hủy và được thay thế bằng những chiếc cầu tre hay cầu khỉ tre lắt lẻo gập ghềnh.



Hình minh họa quang cảnh chiến tranh 1946-1954 trên quê hương tôi

Việc vận chuyển vật liệu và hàng hóa trong vùng trở nên cực kỳ khó khăn. Những chiếc cầu tre hay cầu khỉ chênh vênh khiến người đi tay không còn khó, huống hồ là người còn phải mang vác vật liệu nặng. Nhiều khi người ta phải lội hoặc bơi qua kinh suối để vận chuyển. Trên các cánh đồng rộng, người dân cắm dày đặc những cọc tre nhọn chìa lên trời để chống quân dù của Pháp.

Khoảng một năm sau ngày 19/12/1946, quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng theo chiến lược “vết dầu loang”. Sau khi chiếm Sơn Tây, họ vượt sông Đà chiếm thị trấn Hưng Hóa và vùng hữu ngạn sông Hồng, nên vùng hữu ngạn sông Hồng, trong đó có làng tôi, trở thành tiền tuyến. Trong thời gian đó, không quân Pháp tận dụng ưu thế trên không, nên trên bầu trời vùng quê tôi, từng cặp máy bay AD-6 bay lượn suốt ngày, bắn phá khắp



Người dân vùng quê tôi đang chôn chông chống quân nhảy dù của Pháp

nơi. Những máy bay này thường bay tuần tra dọc theo sông Hồng và các đường giao thông huyết mạch, hoặc các khu dân cư đông đúc, để thấy mục tiêu nào được coi là có lợi về mặt kinh tế và quân sự cho cuộc kháng chiến chống Pháp là lao xuống bắn phá. Máy bay Pháp bắn phá bừa bãi dù chỉ là một chiếc thuyền mảnh chở vài người qua sông, hoặc một nhóm nông dân cày ruộng tụ lại để hút thuốc Lào, hay một đàn trâu đang gặm cỏ trên cánh đồng... Người dân làm ruộng ban ngày luôn luôn phải cảnh giác. Khi nghe tiếng máy bay từ xa là phải tìm chỗ ẩn nấp. Trong thời gian này ở quê tôi, các công việc cần phải tụ họp đông người, phải chuyển vào ban đêm. Vùng quê tôi lúc ấy trở

thành “âm phủ của người còn sống”.

Gia đình và họ hàng tôi chịu khá nhiều mất mát trong thời gian này:

- Cuối năm 1949, hai máy bay của quân đội Pháp bắn vào đàn trâu có khoảng trên dưới 20 con của làng tôi đang ăn cỏ trên một cánh đồng và tôi là một trong những đứa trẻ chăn trâu của đàn trâu này. Một một đầu đạn 12.7 suýt kết liễu đời tôi khi tôi mới 13 tuổi, vì một đầu đạn cắm vào vùng đất chỉ cách đầu tôi năm bảy centimet.
- Mùa hè 1950, làng Thạch Cáp phía trong làng tôi bị máy bay ném bom, nhiều nhà bị cháy rụi. Trong số nhà bị cháy rụi này có căn nhà ngói của cụ Chánh Tiếp, một người bạn của Không sân Trình với bố tôi. Hầu hết bàn ghế, tủ chè, sập gụ chừa trong căn nhà này là của gia đình tôi gửi tại đây.
- Tháng 5/1950, bà Đinh Thị Ba, người chị dâu của bố tôi, bị máy bay Pháp bắn chết, trong một chuyến đò qua sông Hồng tại thị trấn Vũ Yên. Ngay sau đó người thân nhân đã thuê người tìm thi thể của bà nhưng không có kết quả.
- Ngày 24/12/1950, máy bay của Pháp đánh bom xuống thị trấn Thái Nguyên. Một trong những trái bom đã đánh trúng căn hầm trú ẩn của gia đình người em trai của mẹ tôi đang cư ngụ trong thị xã này. Trái bom đã làm sập hầm và giết người vợ và hai đứa con gái của cậu tôi, là Lê Thị Liễu, Lê Thị Mỹ và Lê Thị Tâm.

Trong thời gian chiến tranh, không chỉ người dân vùng nông thôn phải gánh chịu những thảm cảnh của chiến tranh mà cả những người dân trong vùng tạm chiếm của quân đội Pháp cũng phải gánh chịu nhiều oan nghiệt khi họ di tản đến những vùng thôn quê hẻo lánh. Do sự gấp rút phải di tản nên không có thời gian xin chính quyền địa phương nơi họ cư trú cấp phát những giấy tùy thân, nên họ bị chính quyền non trẻ thiếu hiểu biết nơi họ đi qua hay nơi họ tạm trú, xét hỏi giấy tờ tùy thân nếu không có đầy đủ thường bị làm khó dễ. Khi khám xét hành lý mà họ mang theo nếu thấy chiếc mũ, cái khăn quàng hay tấm áo có ba màu xanh–trắng–đỏ tượng trưng cho quốc kỳ của Pháp, thường bị nghi ngờ là Việt gian bán nước, nên bị bắt và bị tra tấn.

Tôi đã chứng kiến hoặc được biết những vụ đánh đập, tra tấn, xét xử oan sai nhiều người tản cư lên vùng quê tôi bởi chính quyền địa phương quá hăng say và ấu trĩ như vụ một phụ nữ từ vùng xuôi tản cư lên vùng quê tôi, khi bị dân quân du kích khám xét hành trang tìm thấy một mảnh vải có ba màu xanh trắng của lá quốc kỳ Pháp nên bị nghi ngờ là Việt gian bán nước xâm nhập vào vùng kháng chiến làm tình báo cho Pháp. Hoặc trường hợp một cặp vợ chồng di tản lên vùng quê tôi, trong lúc tìm nơi trú ẩn khi thấy máy bay Pháp bắn phá

có mang trong túi áo một chiếc gương nhỏ nên bị kết tội là Việt gian đã dùng chiếc gương này chỉ điểm cho máy bay Pháp bắn phá một cơ sở quân sự địa phương

Ngoài ra, dân làng tôi và trong vùng quê tôi còn chịu pháo kích từ các căn cứ hỏa lực của quân đội Pháp. Khi quân Pháp càn quét trong vùng nhiều bị giết vì tên rơi đạn lạc, một vài phụ nữ bị hãm hiếp và nhiều người bị giết dã man. Mỗi khi dân quân du kích canh gác báo động quân đội Pháp đang vượt sông sang vùng quê tôi là dân làng tôi phải bồng bế con cái, dắt trâu bò chạy vào các làng sâu và xa sông Hồng. Khi quân Pháp tổ chức hành quân lớn, có hải quân và không quân yểm trợ, dân làng tôi cũng như dân các làng khác dọc theo bờ ngạn của sông Hồng phải di tản vào các làng trong vùng núi chập chùng.

Đầu năm 1949, khi quân Pháp bao vây một vùng rộng lớn trong đó có làng tôi. Vì tứ bề thọ địch, không thể di tản được nữa, nên đàn ông còn trẻ và khỏe phải trốn tránh và ẩn núp trong các ruộng lúa xa làng. Ông già, đàn bà và con nít được khuyến tập trung tại nhà ông Mẫn nằm ở cuối xóm trại để tránh bị đánh đập hoặc bị hãm hiếp. Nhưng rất may quân Pháp trong làng đã không tiến chiếm xóm trại. Vào chiều tối hôm đó quân Pháp đã rút khỏi làng tôi. Trong số những người người đàn bà và trẻ em tập trung tại nhà ông Mẫn Tiếp hôm ấy có mẹ tôi, tôi và đứa em gái của tôi. Vài ngày sau đó, một số vị bô lão hiện diện trong buổi tập trung này bị công an huyện Lâm Thao bắt giữ là ông Mẫn chủ nhà, cụ Bá Hào và ông Ký Thái. Các vị này bị kết án về tội toan làm Việt Gian cho Pháp và bị cầm tù trong nhiều năm.

Tháng 10/1950, sau thất bại ở biên giới, quân Pháp rút khỏi Hưng Hóa. Dân làng bớt lo, nhưng vẫn bị pháo kích và máy bay oanh tạc, nên cuộc sống chưa thực sự yên bình. Chỉ đến ngày 27/7/1954, khi Hiệp định Genève có hiệu lực, quân Pháp rút về Hà Nội, người dân quê tôi mới thực sự được sống trong hòa bình — sau tám năm chìm trong khói lửa chiến tranh.